

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2015/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2015

THÔNG TƯ**Hướng dẫn các tổ chức tín dụng phối hợp với Quỹ bảo lãnh tín dụng trong
cho vay có bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Quyết định
số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ***Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/6/2010;**Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;**Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 quy định chức năng,
nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;**Căn cứ Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ
giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;**Căn cứ Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính
phủ về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh
tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;**Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn các
tổ chức tín dụng phối hợp với Quỹ bảo lãnh tín dụng trong cho vay có bảo lãnh
của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày
15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn các tổ chức tín dụng phối hợp với Quỹ bảo lãnh tín dụng trong cho vay có bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành kèm theo Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quy chế).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quỹ bảo lãnh tín dụng được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các tổ chức tín dụng thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng (sau đây gọi là bên cho vay).

3. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa được Quỹ bảo lãnh tín dụng bảo lãnh vay vốn theo quy định của Quy chế (sau đây gọi là khách hàng).

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Phối hợp trong cho vay có bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng

1. Bên cho vay, Quỹ bảo lãnh tín dụng và khách hàng có thỏa thuận bằng văn bản để đảm bảo bên cho vay có quyền tiếp nhận và xử lý tài sản bảo đảm bảo lãnh trong trường hợp Quỹ bảo lãnh tín dụng từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phù hợp với quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trước khi thực hiện cho vay có bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng, bên cho vay và Quỹ bảo lãnh tín dụng:

a) Căn cứ phương thức tổ chức điều hành hoạt động của từng Quỹ bảo lãnh tín dụng quy định tại Khoản 1 Điều 12 Quy chế, thực hiện ký thỏa thuận khung hoặc thỏa thuận từng lần về việc phối hợp cho vay có bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng (sau đây gọi là Thỏa thuận phối hợp) để thống nhất các nội dung phù hợp với quy định tại Quy chế và pháp luật hiện hành về cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

b) Trường hợp các bên có nhu cầu sửa đổi, bổ sung Thỏa thuận phối hợp đã ký kết thì việc sửa đổi, bổ sung phải được thực hiện bằng văn bản và là một bộ phận không tách rời của Thỏa thuận phối hợp.

Điều 4. Nội dung Thỏa thuận phối hợp giữa bên cho vay và Quỹ bảo lãnh tín dụng

Thỏa thuận phối hợp giữa bên cho vay và Quỹ bảo lãnh tín dụng bao gồm một số nội dung cơ bản sau:

1. Trình tự phối hợp giữa các bên trong việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ (thẩm định độc lập, phối hợp thẩm định, thành lập tổ thẩm định chung,...) và giải quyết nhu cầu vay vốn có bảo lãnh của khách hàng.

2. Các nội dung liên quan đến phối hợp trong việc cung cấp chứng từ giải ngân; thực hiện kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay, tài sản hình thành từ vốn vay và việc hoàn trả nợ vay đảm bảo giám sát được mục đích sử dụng vốn vay, hoàn trả nợ vay của khách hàng theo đúng cam kết tại hợp đồng tín dụng, quy định tại Quy chế và làm căn cứ để Quỹ bảo lãnh tín dụng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi phát sinh.

3. Phối hợp trong việc xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng; các trường hợp dừng giải ngân vốn vay, thu hồi nợ trước hạn khi khách hàng vi phạm

các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, vi phạm hợp đồng bảo lãnh tín dụng hoặc có những dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Các biện pháp thu hồi nợ bên cho vay sẽ áp dụng trong trường hợp đến hạn trả nợ mà khách hàng không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 28 của Quy chế và các quy định của pháp luật.

5. Quy định cụ thể các trường hợp Quỹ bảo lãnh tín dụng được từ chối thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh phù hợp với Quy chế, quy định pháp luật liên quan đến khoản vay và khả năng kiểm soát rủi ro của bên cho vay.

6. Trách nhiệm phối hợp của các bên trong chuyển giao quyền tiếp nhận và xử lý tài sản bảo đảm bảo lãnh cho bên cho vay trong trường hợp Quỹ bảo lãnh tín dụng từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

7. Phối hợp cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến Điều lệ tổ chức và hoạt động, phương thức tổ chức điều hành và thẩm quyền phát hành chứng thư bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho bên cho vay khi có yêu cầu.

8. Các nội dung khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc cho vay có bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng

1. Dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng đã được Quỹ bảo lãnh tín dụng thẩm định và quyết định bảo lãnh vay vốn theo quy định tại Quy chế.

2. Bên cho vay xem xét, quyết định cho vay bằng đồng Việt Nam đối với các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng được Quỹ bảo lãnh tín dụng bảo lãnh theo quy định pháp luật hiện hành về cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, các quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Bên cho vay thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

1. Khi khoản vay đến hạn trả nợ (ghi trong hợp đồng tín dụng) hoặc hạn trả nợ cụ thể trong trường hợp thu hồi nợ trước hạn mà khách hàng không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, bên cho vay xác định rõ nguyên nhân không trả được nợ và áp dụng các biện pháp thu hồi nợ đã được các bên thống nhất trong Thỏa thuận phối hợp. Trong thời gian 07 ngày làm việc sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ mà khách hàng vẫn không trả được nợ, bên cho vay có văn bản đề nghị kèm theo các hồ sơ, tài liệu, chứng từ hợp pháp, hợp lệ liên quan (nếu có) để Quỹ bảo lãnh tín dụng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của bên cho vay, Quỹ bảo lãnh tín dụng phải hoàn thành việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đã cam kết. Trong trường hợp từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, Quỹ bảo lãnh tín dụng phải có văn bản gửi bên cho vay nêu rõ lý do từ chối. Quá thời hạn này mà Quỹ bảo lãnh tín dụng không có văn bản từ chối thì mặc nhiên được xem là Quỹ bảo lãnh tín dụng đã chấp thuận thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đã cam kết.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản từ chối của Quỹ bảo lãnh tín dụng, bên cho vay phải có văn bản phản hồi chấp thuận hoặc không chấp thuận việc từ chối của Quỹ bảo lãnh tín dụng. Quá thời hạn này, bên cho vay được xem là chấp thuận việc từ chối của Quỹ bảo lãnh tín dụng nếu không có văn bản phản hồi gửi Quỹ bảo lãnh tín dụng.

Điều 7. Chuyển giao và xử lý tài sản bảo đảm

Khi nhận được văn bản của bên cho vay chấp thuận việc từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh hoặc quá thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này mà bên cho vay không có văn bản phản hồi về việc từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, Quỹ bảo lãnh tín dụng thực hiện xử lý tài sản bảo đảm bảo lãnh của khách hàng như sau:

1. Trường hợp từ chối thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh: Quỹ bảo lãnh tín dụng chuyển giao ngay quyền tiếp nhận và xử lý tài sản bảo đảm bảo lãnh của khách hàng cho bên cho vay theo nội dung các văn bản thỏa thuận quy định tại Điều 3 Thông tư này. Bên cho vay hoàn trả bản gốc chứng thư bảo lãnh cho Quỹ bảo lãnh tín dụng ngay sau khi Quỹ bảo lãnh tín dụng đã thực hiện chuyển giao tài sản bảo đảm đầy đủ.

2. Trường hợp từ chối thực hiện một phần nghĩa vụ bảo lãnh:

a) Đối với phần nghĩa vụ bảo lãnh được chấp thuận: Quỹ bảo lãnh tín dụng thực hiện ngay việc trả nợ thay cho khách hàng (bao gồm gốc và lãi tương ứng);

b) Đối với phần nghĩa vụ bảo lãnh không được chấp thuận: Quỹ bảo lãnh tín dụng phối hợp với bên cho vay thực hiện xử lý tài sản bảo đảm bảo lãnh của khách hàng. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm sau khi trừ các chi phí liên quan đến quá trình xử lý tài sản bảo đảm, sẽ được thanh toán cho dư nợ của khách hàng tại bên cho vay (phần dư nợ bị từ chối bao gồm cả gốc và lãi tương ứng), phần còn lại sẽ được thanh toán cho dư nợ của khách hàng tại bên bảo lãnh. Trường hợp sau khi hoàn trả đầy đủ nợ gốc, lãi và chi phí phát sinh liên quan đến khoản vay mà số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn còn thì Quỹ bảo lãnh tín dụng chuyển trả vào tài khoản của khách hàng.

Điều 8. Trách nhiệm của bên cho vay

1. Phối hợp chặt chẽ với Quỹ bảo lãnh tín dụng trong thực hiện cho vay các khách hàng theo quy định tại Thông tư này, quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, đảm bảo an toàn, tuân thủ đúng quy định của pháp luật.